

**TÍNH DI ĐỘNG CỦA NGÔN NGỮ:
GÓC NHÌN TỪ NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP MỘT SỐ BIẾN THỂ PHƯƠNG NGỮ
TRONG TIẾNG VIỆT HIỆN NAY)**

TRẦN THỊ HỒNG HANH¹

Abstract: This article discusses the concept of language mobility, focusing on describing the mobility of dialects in Vietnamese. Considered to be an inevitable phenomenon in the modern sociolinguistic landscape, linguistic mobility can be seen through the phenomenon of linguistic variations which “shift” from a specific location to another. To clarify this shift, the article analyzes the trends of some dialects that were only used in certain geographical areas but are now widespread and popular usage in communications on social and mass media. It should be recognized as a form of linguistic mobility, a concept related to superdiversity in today's new sociolinguistic situation. The purpose of the research is to introduce language mobility, a concept within the theoretical framework of “superdiversity”, to contribute to further understanding of the modern sociolinguistic situation.

Keywords: *language mobility, superdiversity, dialect variation, geographical dialect, sociolect*

1. Dẫn nhập

Trong vài thập niên trở lại đây, thế giới đã chứng kiến những tác động vô cùng to lớn của quá trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa đối với mọi mặt đời sống của con người, trong đó có cả những tác động đối với ngôn ngữ với tư cách là một phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Dưới sự tác động ấy, thói quen sử dụng ngôn ngữ của từng cá nhân cũng như của mỗi cộng đồng đều có những biến đổi nhất định. Có thể nói, bức tranh ngôn ngữ trên thế giới đang biến đổi đa chiều đến mức các nhà ngôn ngữ học xã hội cho rằng không thể chỉ sử dụng thuật ngữ “sự đa dạng” (diversity) để miêu tả tình hình này mà phải bổ sung thêm tiền tố “siêu” mới đủ để miêu tả và phản ánh được mức độ đa dạng đó. Phillimore (2013) đã phát biểu rằng, “đa ngữ xã hội không phải là khả năng giao tiếp đồng thời trong hai hoặc nhiều hệ thống ngôn ngữ riêng biệt (như tôi đã nghĩ trước đây). Đúng hơn, ngôn ngữ trong thời đại siêu đa dạng là một tập hợp các tài nguyên (resources) được các chủ thể xã hội khác nhau sử dụng theo những cách khác nhau trong các bối cảnh xã hội khác nhau” [16, tr.5]. Ông cũng lập luận rằng “siêu đa dạng” (superdiversity), một thuật ngữ do Vertovec nêu ra vào năm 2007, có mối quan hệ rõ ràng với đa ngữ xã hội; thậm chí, nói cách khác, đa ngữ xã hội vừa là một yếu tố góp phần tạo nên vừa là kết quả của sự siêu đa dạng (xem [14]).

¹ PGS. TS, Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

Ở Việt Nam, đa ngữ xã hội (*multilingualism*) và các vấn đề liên quan đến đa ngữ xã hội vốn được hiểu theo nghĩa rộng nhất là việc những người nói có thể sử dụng nhiều hơn một ngôn ngữ. Từ góc độ này, xét ở phạm vi quốc gia, Việt Nam là một cộng đồng đa ngữ rất điển hình. “Nếu lấy cộng đồng giao tiếp hẹp hơn so với quốc gia, thì đa ngữ ngày càng phổ biến. Ví dụ, cảnh huống cư trú đan xen, nhất là sự di dân tại các vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam đang làm cho trạng thái đa ngữ ngày một mở rộng từ tỉnh đến huyện, đến xã và xuống tận thôn bản” [4, tr.43]. Tuy nhiên, do quá trình toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, bức tranh đa ngữ xã hội ở Việt Nam cũng ngày càng trở nên phức tạp. Cần phải có thêm nhiều nghiên cứu để hiểu rõ hơn cách thức sử dụng ngôn ngữ đang thực sự diễn ra, cách thức người sử dụng ngôn ngữ “tối ưu hóa” chức năng của các tài nguyên ngôn ngữ mà họ sở hữu hay có khả năng sử dụng. Bài viết này lựa chọn giới thiệu về “tính di động” và nêu ra một số thảo luận bước đầu về sự dịch chuyển của một số biến thể phương ngữ để góp phần làm rõ “tính di động”, một khía cạnh “siêu đa dạng” của cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam trong một vài thập niên trở lại đây.

2. Một số vấn đề lí thuyết liên quan

2.1. Đa ngữ xã hội và lí thuyết “siêu đa dạng”

Thuật ngữ *superdiversity* (tính siêu đa dạng) được Vertovec sử dụng lần đầu từ 2007 khi ông miêu tả các mô hình biến đổi mà ông quan sát thấy trong sự di cư ở Anh. Sự biến động dân cư ở Anh do di cư, trong đó dòng người di cư không chỉ trong nội bộ quốc gia mà còn từ các nước khác đến Anh, đã tạo ra sự thay đổi các mô hình sắc tộc (*race*), ngôn ngữ (*language*) và tôn giáo (*religion*). Hệ quả là, theo ông, sự tương tác năng động giữa các biến như địa vị xã hội, kinh nghiệm làm việc, cơ cấu riêng biệt về tuổi và giới tính, mô hình phân bố không gian và phản ứng khác nhau ở khu vực địa phương của các nhà cung cấp dịch vụ và người dân đã tạo nên cái gọi là “tính siêu đa dạng” (*superdiversity*) [17, tr.1025]. Theo số liệu của nhà xuất bản Taylor & Francis, đã có hơn 8800 bài viết trên các tạp chí uy tín thuộc danh mục Web of Science, Scopus trích dẫn... bài viết này của Vertovec, điều đó cho thấy mức độ quan tâm và sự chia sẻ của các nhà nghiên cứu về vấn đề mà ông nêu ra. Chính Vertovec [18] đã quan sát thấy rằng các ấn phẩm không chỉ trong lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội mà cả trong các lĩnh vực khoa học xã hội khác nghiên cứu hay quan tâm đến các mô hình di cư mới và những thay đổi mô hình xã hội đều đã có viện dẫn, tham chiếu, thêm thắt hoặc thậm chí chỉ trích khái niệm về “tính siêu đa dạng” mà ông nêu ra. Tính siêu đa dạng trong các nghiên cứu này đã được hiểu theo nhiều cách, có thể khác với cách giải thích ban đầu mà Vertovec đề xuất. Ông đã tự tiến hành thống kê trong 325 công trình khác nhau và chỉ ra rằng có bảy cách hiểu và vận dụng khái niệm “tính siêu đa dạng” mà chính ông nêu ra, trong đó ông cũng thấy rằng các nhà ngôn ngữ học xã hội dành nhiều sự quan tâm nhất cho khái niệm này. Có thể nói, trong hai thập kỉ qua, lí thuyết “siêu đa dạng” đã được thảo luận rộng rãi trong giới nghiên cứu xuyên ngành liên quan đến di cư bởi vì “siêu đa dạng được đặc trưng bởi sự gia tăng

to lớn về các nhóm người di cư, không chỉ về mặt quốc tịch, dân tộc, ngôn ngữ và tôn giáo, mà còn về động cơ, mô hình và hành trình di cư, quá trình hòa nhập vào thị trường lao động và nhà ở của xã hội sở tại, v.v...” [8, tr.2]. Vì vậy, không khó để giải thích tại sao tính siêu đa dạng lại được các nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội hiện nay tiếp thu và thảo luận sôi nổi trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Trong nửa sau thế kỉ XX, đa ngữ được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ xác định là xu hướng phổ biến trong đời sống hiện đại toàn cầu, do đó, đa ngữ xã hội đã được nghiên cứu và thảo luận khá kĩ và toàn diện từ nhiều góc độ khác nhau như nghiên cứu của Jessner-Schmid [11] đã chỉ ra. Cùng với đa ngữ, tính đa dạng (*diversity*) lần đầu tiên được đề cập đến ngay từ những năm 1950 và sự đa dạng ngôn ngữ thường được coi là sự cùng tồn tại của các ngôn ngữ khác nhau trong một cộng đồng hoặc quốc gia nhất định” [14, tr. 16]. Tuy nhiên, với tác động của quá trình toàn cầu hóa, vai trò to lớn của internet và vai trò của lingua franca (tiếng Anh, như người ta thường nghĩ), cách thực hành ngôn ngữ của các cá nhân ngày càng khác biệt khiến cho thói quen sử dụng ngôn ngữ đã biến đổi rất phức tạp. Đó chính là lí do khiến lí thuyết “siêu đa dạng” nhận được sự quan tâm sâu sắc như vậy vì thuật ngữ này hứa hẹn cung cấp một khung lí thuyết góp phần làm sâu sắc hơn những hiểu biết về sự phức tạp của bối cảnh đa ngôn ngữ hiện nay. Qua lăng kính “siêu đa dạng”, có thể quan sát tỉ mỉ hơn về bối cảnh ngôn ngữ đương đại trên thế giới. Khung lí thuyết “siêu đa dạng” thường đi kèm với các khái niệm cũng đang thu hút sự quan tâm học thuật của các nhà nghiên cứu như *tính di động* (mobility), *tính đan xen* (hybridity), *không gian thứ ba* (ThirdSpace), *chuyển ngữ* (translanguaging) *vùng tiếp xúc* (contact zones), *tính vô hướng* (scalar), thang đo ngôn ngữ học xã hội (*sociolinguistic scales*) v.v. Như Li [14] đã nói, đây là những khái niệm lí thuyết và khung phương pháp nhằm nắm bắt các hành vi ngôn ngữ mang tính linh hoạt và nhất thời của người sử dụng ngôn ngữ.

Trong số các khái niệm đó, nhiều tác giả như Blackledge A & Creese A [7], Li [14]... đều đã tập trung thảo luận về “tính di động” (*mobility*). *Tính di động* và khả năng di động có thể được coi là trung tâm của sự siêu đa dạng vì nó đóng góp rất quan trọng vào việc hiểu khái niệm về “siêu đa dạng”, đặc biệt là trong bối cảnh thế giới đương đại đang vận động một cách khác biệt và phức tạp hơn bao giờ hết như các nghiên cứu này đã nhấn mạnh. Theo Li [14], *tính di động* bao gồm hai mặt: di động về không gian (*spatial mobility*) và di động xã hội (*social mobility*). Di động hay sự di chuyển theo không gian thường liên quan đến việc di chuyển hoặc đi lại giữa các địa điểm trong khi tính di động xã hội, mặt khác, lại là *sự thay đổi đặc trưng xã hội của người nói*. Trong khoảng vài thập niên trở lại đây, sự di chuyển của con người ngày càng thuận lợi, dễ dàng nhờ sự phát triển của giao thông vận tải. Người dân sống ở các nơi khác nhau có thể dễ dàng đi lại, giao lưu với nhau. *Tính di động* của người nói trong bối cảnh đó là rõ ràng, tất yếu và ngày càng đa dạng, nhiều chiều. Hơn nữa, tính di động về mặt không gian của người nói không nhất thiết và thuần túy chỉ là sự di chuyển không gian vật lí thực. Một người đang uống cà phê ở Hà Nội có thể dễ dàng nhận được một món hàng gửi từ Sài Gòn, thậm chí một món bánh gửi từ Hải Phòng và

thậm chí có thể thưởng thức một món đồ ăn nhập khẩu từ một nước khác, vừa ăn vừa trò chuyện bằng cuộc gọi có hình ảnh (video call) với một người nào đó ở một không gian địa lý khác, ở một vùng khác, thậm chí là ở nước cách rất xa nơi đang ngồi uống cà phê. Và với mỗi hoạt động đó, người nói sẽ “dịch chuyển” vai xã hội và tương ứng với đó là vai giao tiếp trong các hoạt động giao tiếp. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ tiếp tục đi sâu vào *tính di động*; mối quan hệ giữa *tính di động* và *sự dịch chuyển ngôn ngữ*.

2.2. *Tính di động (mobility)*

Blackledge A & Creese A [7] khẳng định, để tăng cường hiểu biết của chúng ta về ngôn ngữ trong sử dụng, chúng ta cần xem xét *tính di động* của các nguồn ngôn ngữ và kí hiệu học khác theo thời gian và không gian. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, *tính di động* thu hút được sự quan tâm trong ngôn ngữ học xã hội hiện đại, vì *tính di động* miêu tả “sự biến đổi vị trí” (*dislocation*) của ngôn ngữ và các sự kiện ngôn ngữ theo nghĩa chỉ việc “lệch khỏi” vị trí cố định về mặt thời gian hay không gian mà ngôn ngữ học truyền thống gán cho. Ngôn ngữ học xã hội về *tính di động* không tập trung vào ngôn ngữ tại chỗ (*language-in-place*) mà tập trung vào ngôn ngữ đang chuyển động (*language-in-motion*), với các khung thời gian không gian khác nhau tương tác với nhau. Nói một cách khác, ngôn ngữ học xã hội của *tính di động* “là ngôn ngữ học xã hội của lời nói, của các nguồn ngôn ngữ thực tế được triển khai trong bối cảnh văn hóa xã hội, lịch sử và chính trị thực tế”. Trong các bối cảnh có *tính di động*, người nói dường như sử dụng bất kì nguồn ngôn ngữ và giao tiếp nào có sẵn và trộn chúng thành các dạng ngôn ngữ và kí hiệu học phức tạp [7, tr. 31-32].

Thảo luận về *tính di động* ngôn ngữ, chúng tôi chọn hiện tượng một số từ ngữ địa phương trong tiếng Việt đã di chuyển khỏi “không gian” sử dụng vốn có sang một “không gian” sử dụng khác; và trong bài viết này, chúng tôi gọi đây là “sự dịch chuyển”. Cách hiểu về sự dịch chuyển này khác với cách hiểu về *language shift*, một khái niệm vẫn thường được các nhà ngôn ngữ học xã hội sử dụng mà thường được cho là bắt nguồn từ nghiên cứu của Fishman (Dẫn theo Mufwene [15]). Trong tiếng Anh, *language shift* là một thuật ngữ thường được các nhà ngôn ngữ học xã hội sử dụng khi bàn về những hệ quả của đa ngữ xã hội và sự tương tác của các ngôn ngữ trong môi trường đa ngữ. Như nhóm tác giả Felicity Meakins, Caroline Jones, Cassandra Algy [13] giải thích, sự dịch chuyển ngôn ngữ cộng đồng (*community language shift*) là những thay đổi ưu thế ngôn ngữ (*language dominance*) có thể nhận thấy trong toàn bộ cộng đồng người nói, thường là giữa các thế hệ. Còn Bouchard (2019) định nghĩa sự dịch chuyển ngôn ngữ là một quá trình trong đó một cộng đồng nói năng (thường là song ngữ hoặc đa ngữ) trong cảnh hướng tiếp xúc dần dần ngừng sử dụng một ngôn ngữ này để hướng tới sử dụng một (hoặc một số) ngôn ngữ khác [10, tr.2]. Trong khi đó, “sự dịch chuyển” trong bài viết này mang bản chất của “sự thay thế”, biến thể ngôn ngữ này được thay thế bằng biến thể ngôn ngữ khác dưới sự tác động của các nhân tố phi ngôn ngữ hay nói một cách khác “sự dịch chuyển” được hiểu là hiện tượng những biến thể ngôn ngữ vốn được gán cho một “không gian” nhất định, có thể là không gian vật lý hoặc không gian xã

hội, lại “rời sang” sang một “không gian” khác do “tính di động” của người sử dụng biến thể ngôn ngữ đó. Ở đây, “tính di động”, như đã phân tích ở trên, được hiểu bao gồm cả “tính di động” về không gian và xã hội, bởi vậy “không gian” cũng được chúng tôi dùng để nói về cả không gian địa lí và không gian xã hội.

2.3. Từ ngữ địa phương, phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội

Để tránh việc đi vào những bàn luận ngoại đề, chúng tôi vẫn chọn cách kế thừa khái niệm được Nguyễn Thiện Giáp (2010) đã nêu làm cơ sở cho cách hiểu của mình về “từ ngữ địa phương”: “Từ vựng địa phương là những từ ngữ được dùng hạn chế ở một hoặc một vài địa phương. Nói chung, từ vựng địa phương là bộ phận từ vựng của ngôn ngữ nói hằng ngày của bộ phận nào đó của dân tộc chứ không phải từ vựng của ngôn ngữ văn học. Khi được sử dụng vào sách báo nghệ thuật, từ vựng địa phương thường mang sắc thái tu từ: diễn tả lại đặc điểm của địa phương, đặc điểm của nhân vật” [2, tr. 466]. Cách quan niệm này nhấn mạnh vào không gian địa lí *cụ thể* và *hạn chế* của từ ngữ địa phương. Quan niệm này cũng lưu ý, từ vựng địa phương cũng có thể được sử dụng trên sách báo nghệ thuật nhưng là xuất phát từ nguyên nhân phong cách học. Tuy nhiên, trong bài viết này, việc sử dụng từ ngữ địa phương do nguyên nhân phong cách học này không phải là mối quan tâm nghiên cứu của chúng tôi. Trong bài viết này, việc nhận diện từ ngữ nào đó có phải là từ ngữ địa phương hay không căn cứ phần chú giải ở sau mục từ trong *Từ điển Tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), cụ thể là, từ ngữ nào được chú là (đph) thì sẽ được xác định là từ vựng địa phương.

Cũng đứng trước nhiều quan niệm khác nhau trong việc phân vùng phương ngữ tiếng Việt, như các nghiên cứu trước đây, trong bài viết này, chúng tôi vẫn nhất quán với quan điểm của Hoàng Thị Châu [1] với việc xác định có ba vùng phương ngữ của tiếng Việt hiện đại, là vùng phương ngữ Bắc Bộ (PNB), vùng phương ngữ Trung Bộ (PNT) và vùng phương ngữ Nam Bộ (PNN). Từ cách hiểu về từ ngữ địa phương như trên, phương ngữ địa lí được chúng tôi hiểu là các biểu hiện ngôn ngữ, trong đó bao gồm các từ ngữ địa phương được dùng hạn chế trong phạm vi lãnh thổ của một vùng, miền nhất định nào đó và như vậy, các từ ngữ địa phương theo cách hiểu này sẽ “gắn với” một không gian địa lí cụ thể.

Nếu như phương ngữ địa lí quan tâm đến các biến thể ngôn ngữ trong những vùng không gian địa lí thì phương ngữ xã hội quan tâm đến các biến thể ngôn ngữ gắn với đặc trưng xã hội của người nói. Trong xã hội tồn tại bao nhiêu nhóm xã hội thì trong ngôn ngữ cũng có bấy nhiêu phương ngữ xã hội. Nguyễn Văn Khang (2012) quan niệm phương ngữ xã hội sản phẩm ngôn ngữ của nhóm xã hội. Các nhân tố xã hội như: tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, thành phần xuất thân... có tác động trực tiếp và tạo nên các đặc điểm ngôn ngữ trong sử dụng. Nói một cách khác, phương ngữ xã hội là các biến thể ngôn ngữ theo nhóm xã hội trong sử dụng ngôn ngữ [3, tr. 214], chính là biểu hiện ngôn ngữ trong một không gian mang tính xã hội.

3. Miêu tả tư liệu và thảo luận

Ngữ liệu khảo sát của chúng tôi được thu thập từ các các tờ báo điện tử, các trang mạng xã hội Facebook, Instagram, Youtube... Từ các nguồn tài liệu này, chúng tôi đã thống kê được 158

trường hợp, trong đó có 60 danh từ (*bánh trắng, khổ qua, heo, đậu phộng, nước màu, hột xoàn...*), 39 động từ (*quẩy, hót tóc, nhậu, xài...*), 36 tính từ (*ngẫu, chánh, khùng, bự, mập, hên, xui...*), 8 trường hợp phụ từ/từ ngữ chỉ mức độ (*dữ, hồng, hông, quá xá, dễ sợ...*), 7 trường hợp là đại từ (*tui, bay, bà, ông, bọn bay, trên, bên*), 6 thán từ (*ủa, nha, nè, nghen, hen, ha*) là những từ ngữ địa phương đang thể hiện xu hướng “dịch chuyển”. Ví dụ:

Tiền mừng tuổi nhận được trong ngày Tết còn gọi là tiền “mở hàng”. Xưa, tiền cho vào phong bao phải là tiền lẻ (chứ không dùng tiền chẵn), ngụ ý tiền này sẽ sinh sôi nảy nở thêm nhiều. Số tiền trong phong bao lì xì không đặt nặng giá trị mà mang đúng cái ý nghĩa mong cầu may mắn, tốt lành, cả người nhận và trao lì xì đều trao nhau sự vui vẻ cho một ngày đầu năm mới cát tường: Trẻ em thì hay ăn chóng lớn, học giỏi; người già thì mừng thọ, sức khỏe dồi dào. (Báo điện tử Hà Nội mới, ngày 22/1/2023: <https://hanoimoi.vn/giu-gin-net-dep-cua-tuc-mung-tuoi-7210.html>)

Bánh gai Ninh Giang có phần vỏ bánh được lên màu từ lá gai, với phần bột nếp cái hoa vàng Kinh Môn nổi tiếng của Hải Dương. Phần nhân bánh có thêm dừa, đậu phộng và mỡ heo, đem đến hương vị thơm ngon, hấp dẫn. (Báo điện tử Hải Dương, ngày 10/03/2023: <https://baohaiduong.vn/dac-san-hai-duong-ma-ban-khong-the-bo-lo-131750.html>)

Ai là tín đồ bưởi Diễn thì inbox lên đơn em ạ. Diễn vườn nhà ông ngoại em chín rồi ạ. Quả to bự chà bá luôn ạ. 60k/chục thôi nhé. (Dòng trạng thái trên Facebook, người dùng nữ, ngoài 30 tuổi, sống tại Hà Nội)

Nói lòng giãn cách: Đừng vui quá xá, bỏ lỡ tương lai (Báo Tuổi trẻ Thủ đô điện tử, ngày 24/11/2021: <https://tuoitrethudo.com.vn/noi-long-gian-cach-dung-vui-quaxa-bo-lo-tuong-lai-183819.html>)

Trong ngữ liệu mà chúng tôi thu thập được, xu hướng dịch chuyển của các từ ngữ địa phương thì sẽ diễn ra theo chiều dịch chuyển phổ biến: từ ngữ thuộc phương ngữ Nam Bộ có xu hướng dịch chuyển và “hòa nhập” vào ngôn ngữ toàn dân chiếm đa số, chỉ có một vài từ ngữ thuộc phương ngữ Bắc Bộ có xu hướng “phổ biến” hơn ở vùng phương ngữ Nam Bộ, theo quan sát của chúng tôi. Trong sự dịch chuyển đó, nhóm danh từ có số lượng lớn hơn, cho thấy danh từ có khả năng “thâm nhập” vào từ ngữ toàn dân cao hơn so với các nhóm từ còn lại. Trong đó có nhiều danh từ chỉ các món ăn, sản vật, sản phẩm mang đặc trưng vùng miền như: *bánh trắng thịt heo, bánh trắng trộn, bún bò giò heo, kho quẹt, bạc xỉu, cơm cháy chà bông...* hiện được sử dụng rất rộng rãi. Sự dịch chuyển này có thể coi là một hiện tượng hợp quy luật, “tính hạn chế” trong phạm vi sử dụng của chúng bị mất đi do “tính hạn chế” của những sự vật mà chúng định danh thay đổi, hay nói một cách khác, “tính di động” về không gian địa lí của biến thể ngôn ngữ là tất yếu, diễn ra đi kèm với “tính di động” cũng về mặt không gian địa lí của yếu tố mà nó thực hiện chức năng định danh.

Tuy nhiên, sự dịch chuyển của một số trường hợp khác thì không giống như vậy. Xét trường hợp của từ *heo*. *Heo* là từ địa phương, tương đương với tiếng Việt toàn dân là *lợn*. Tuy nhiên, hiện nay, *heo* có xu hướng “dịch chuyển” thành biến thể toàn dân, nhất là trên các bao bì sản phẩm, thực đơn của các nhà hàng, quán ăn...



Hình 1. Thực đơn một nhà hàng tại Hà Nội

Trong ví dụ này, chúng ta thấy, *má heo* là biến thể địa phương được chọn để sử dụng, sự “dịch chuyển” phạm vi sử dụng này không phải đi kèm với sự “dịch chuyển” về mặt không gian của sự vật định danh. Đáng chú ý là, trong ngữ liệu khảo sát của chúng tôi, có những lúc, cả hai biến thể *heo* và *lợn* cùng được sử dụng đồng thời. Xét các ví dụ khác:

80% thịt bò khô từ heo chết, lợn sề (Báo điện tử Quảng Ninh, Thứ 6, 23/12/2011: <https://baoquangninh.vn/80-thit-bo-kho-tu-heo-chet-lon-se-2157705.html>)

Bệnh sán lợn gạo xảy ra khi ăn phải thịt heo sống, chưa được nấu chín có chứa nang ấu trùng sán dải heo, nang này có bọc bên ngoài giống như hạt gạo. (Website của Bệnh viện đa khoa Tâm Anh: <https://tamanhhospital.vn/san-lon-gao/>)

Rõ ràng, trong các ví dụ đã nêu và một số ví dụ khác dưới đây, có hiện tượng cả hai biến thể từ toàn dân và từ địa phương được sử dụng đồng thời:

Ngừng lạm dụng thức ăn chiên rán (Báo điện tử Hà Nội mới ngày 28/03/2021: <https://hanoimoi.vn/ngung-lam-dung-thuc-an-chien-ran-489908.html>)

Sự tồn tại song song của biến thể địa phương và biến thể toàn dân này chủ yếu khá phổ biến trên các ngữ liệu báo điện tử, mạng xã hội. Như vậy, có khả năng, “bối cảnh sử dụng” ngôn ngữ trên mạng xã hội là nhân tố cho phép *heo* hay *chiên* mất đi tính “hạn chế” của một biến thể địa phương. Cũng có thể có khả năng, hai yếu tố đồng nghĩa *chiên*, *rán* dần dần sẽ trở thành một từ ghép *chiên rán* mang ý nghĩa khái quát cao hơn, hiện tượng không hiếm gặp trong sự phát triển lịch sử từ vựng tiếng Việt.

Cần phải thảo luận về bối cảnh “siêu đa dạng” của việc sử dụng ngôn ngữ trên mạng internet. Rõ ràng, mạng internet chính là một bối cảnh giao tiếp “siêu đa dạng” khi mà những người tham

gia giao tiếp trong không gian này liên tục “di động”, không chỉ là di động về mặt không gian mà còn di động cả về mặt xã hội: những người tham gia giao tiếp với nhau thuộc các không gian địa lí khác nhau, họ cũng thay đổi vai xã hội và vai giao tiếp liên tục, nhanh chóng, thậm chí là cùng một lúc có thể thể hiện nhiều vai xã hội khác nhau trong giao tiếp trên không gian “ảo” này. Đây chính là một biểu hiện của “tính siêu đa dạng” mà chúng tôi đã đề cập tới ở trên. Muốn chứng minh cho điều này, cần phải có điều tra kĩ hơn để xem xét nhiều yếu tố ngoài ngôn ngữ (extralinguistic factor), tức là các nhân tố phi ngôn ngữ thuộc về đặc trưng xã hội của người nói/người viết và người nghe/người đọc: tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp... Tuy vậy, trong các ngữ cảnh này, các biểu hiện của nhân tố phi ngôn ngữ rất phức tạp, đôi khi khó xác định. Đối tượng người đọc có thể đến từ nhiều vùng miền khác nhau, nói các phương ngữ khác nhau, thuộc nhiều lứa tuổi, tầng lớp, trình độ học vấn khác nhau. Chính người viết, tuy rằng có thể được đại diện bằng một cái tên, nhưng có thể là một bài dịch, một bài tổng hợp thông tin của các nguồn khác cho nên có thể chịu sự chi phối của nhiều nhân tố xã hội khác nhau... Và vì vậy, các từ ngữ địa phương rõ ràng sẽ không còn không còn gắn với không gian địa lí cụ thể và hạn chế, hơn nữa, còn chịu sự chi phối bởi các đặc trưng xã hội của người nói, chính là đã dịch chuyển từ biến thể phương ngữ địa lí thành biến thể phương ngữ xã hội. Khi nghiên cứu về đặc điểm biến thể từ ngữ trên mạng, Nguyễn Văn Khang (2019) cũng đã đề cập đến điều này chỉ ra một số đặc điểm của việc sử dụng và cách tân các từ ngữ phương ngữ trên mạng. Theo nghiên cứu này, các biến thể từ ngữ trên mạng có được viết theo cách phát âm địa phương, phát âm địa phương thế nào thì viết ra đúng như vậy. Đáng chú ý, tác giả đã chỉ ra rằng, “các từ ngữ phương ngữ địa lí được dùng trên mạng thường mang đặc thù phương ngữ vùng miền, thoát nghe có vẻ như quê mùa, dân dã nhưng mang lại sắc thái ngộ nghĩnh và có sức nặng ngữ nghĩa trong truyền tải thông tin... Không chỉ là các từ ngữ phương ngữ địa lí, các từ ngữ của các nhóm xã hội (phương ngữ xã hội cũng được sử dụng theo hướng cách tân để tạo sắc thái đặc thù cho tiếng Việt trên mạng” [5, tr. 158-159].

Đối với các ngữ liệu thu thập được trên các đoạn quảng cáo, chúng tôi cũng nhận thấy tình hình tương tự. Về ngôn ngữ trong quảng cáo, Lưu Trọng Tuấn (2013) đã từng bàn về hiện tượng xuất hiện từ ngữ địa phương trong quảng cáo khi bàn về hiện tượng tiếp xúc trong quảng cáo, Tác giả viết: “Hiện tượng tiếp xúc giữa các phương ngữ cũng xuất hiện trong các quảng cáo của Việt Nam, nhất là giữa phương ngữ miền Bắc và miền Nam” [6, tr. 48]. Tác giả cũng đã chỉ ra, có ba hình thức tiếp xúc phương ngữ trong quảng cáo gồm: 1. Một quảng cáo ở một địa phương hướng về khách hàng mục tiêu ở địa phương đó song lại chứa đựng những từ thuộc phương ngữ của địa phương khác; 2. Quảng cáo, nhất là quảng cáo truyền hình, chứa đựng cả hai phương ngữ, dù rằng phương ngữ ở địa phương nơi phát quảng cáo sẽ chiếm ưu thế hơn, thường là phương ngữ miền nào thì nói theo giọng của miền đó; 3. Quảng cáo hướng về đối tượng khách hàng trong cả nước, song trong quảng cáo không chỉ chứa những từ thuộc tiếng phổ thông (theo quy ước là tiếng Hà Nội thuộc phương ngữ Bắc), mà chứa cả phương ngữ. Ở đây, kết quả khảo sát của chúng tôi cũng có điểm tương tự với hình thức thứ ba được đề cập đến ở trên. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, trong các quảng cáo hay trang bán hàng như Shopee, Tiki, Lazada..., các quảng cáo hay các gian hàng đều hướng tới đối tượng khách hàng trên phạm vi cả nước và trong nội dung quảng cáo

và bán hàng vẫn sử dụng các từ ngữ địa phương: *bắp rang bơ, sữa bắp, bột chiên giòn, dầu đậu phộng, dầu mè, bóp (ví tiền), vớ da chân, nón, ngẫu, xài...* Còn khảo sát giao tiếp trên mạng xã hội, chúng tôi đều thấy có rất nhiều từ ngữ hay cách nói phổ biến trong phương ngữ Nam Bộ được các tài khoản người dùng mạng xã hội không kể độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn... ở các vùng phương ngữ khác sử dụng: *vui quá xá, mệt thấy bà cổ nội, bự tổ chẳng, nói xàm, đẹp dễ sợ, ủa má, nhào vô, nhậu tới bến, xỉn, thiệt tình, mắc ói, bà tám...*

Sung Mỹ bự tổ chẳng chà bá!!! Tôi trông quá gì cũng to bự chà bá =)))

Cường Nguyễn
Đọc lại thấy ói thế nhì
1 tuần Thích Phản hồi 🤔

Hình 2. Dòng trạng thái trên tài khoản Facebook người dùng là nữ, trung niên, sống tại Hà Nội

Hình 3. Bình luận trên tài khoản Facebook người dùng nam, thanh niên, sống tại Hà Nội

Rõ ràng, những biến thể phương ngữ được người nói các phương ngữ khác nhau sử dụng trên mạng xã hội và do vậy, thực ra chúng đã mất đi “tính địa phương” hay “tính hạn chế” về mặt không gian địa lí vốn có. Như đã nói, khi bàn về ngôn ngữ mạng, Nguyễn Văn Khang [5] đã nhận diện đây là một dạng “phương ngữ xã hội” đặc thù. “Tính đặc thù” theo quan niệm của Nguyễn Văn Khang có thể một phần chính là do cách sử dụng ngôn ngữ này không phản ánh đặc trưng riêng biệt của một nhóm xã hội cụ thể mà “pha trộn” đặc trưng của nhiều nhóm xã hội.

Còn theo cách mà lí thuyết “siêu đa dạng” quan niệm, những biến thể ngôn ngữ như vừa đề cập đến ở trên đã không còn bị hạn chế trong một không gian lãnh thổ, địa lí mà đã “di động” và dịch chuyển sang một “không gian xã hội” bởi “tính di động xã hội” người nói. Tính di động xã hội trong trường hợp này khá phức tạp. Khi tham gia vào hoạt động giao tiếp này, các đặc trưng xã hội của người nói như độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn địa vị xã hội khác nhau đều có “tính di động”. Bối cảnh giao tiếp trong những trường hợp này thường là các giao tiếp phi chính thức, trực tiếp - tức thời nhưng không phải là giao tiếp mặt đối mặt, nên trong quá trình tương tác các đặc trưng xã hội sẽ di động theo chủ ý của người sử dụng ngôn ngữ. Trong hai ví dụ trên, người dùng đã cố tình hai biến thể này với tư cách là biến thể của phương ngữ xã hội: phương ngữ giới trẻ và hai biến thể này thể hiện sự “dịch chuyển” đặc trưng tuổi tác của người nói. Việc sử dụng các từ ngữ địa phương có thể coi là một cách để đặc trưng tuổi tác “dịch chuyển”, làm các từ ngữ địa phương có vai trò như biến thể có tính đánh dấu mang đặc trưng của “phương ngữ giới trẻ”. Những người tham gia giao tiếp ở đây có thể coi là các cá nhân “đa phương ngữ” (*multidialectal speakers*), họ có hiểu biết ở mức độ khác nhau về các phương ngữ và có thể vận dụng các hiểu biết và khả năng sử dụng “phương ngữ” của họ trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể. Tuy nhiên, để khẳng định và phân biệt thật mạch lạc nhân tố xã hội nào hay nhân tố ngôn ngữ học ngoại tại (*extralinguistic factor*) nào thực sự đã chi phối đến sự lựa chọn các biến thể này của người sử dụng ngôn ngữ trong các trường hợp này như thế nào thì những điều vừa trình bày ở trên cần phải được thảo luận kĩ hơn và vận dụng thêm các khái niệm liên quan đến tính di động.

Khi bàn về những vấn đề mang tính lí luận và phương pháp của ngôn ngữ học xã hội hiện đại, Blommaert [9] đã nói rằng, từ “tính di động”, nhà nghiên cứu cần phải hướng đến “tính phức tạp” (*complexity*) và trong những nội dung thảo luận của ông về tính phức tạp, ông cho rằng: “Một

hệ thống ngôn ngữ học xã hội là một hệ thống phức tạp được đặc trưng bởi những thay đổi không ngừng các yếu tố nội tại và ngoại tại, diễn ra đồng thời và trong mối quan hệ qua lại không thể đoán trước được. Vì thế hệ thống này luôn vận động, không bao giờ ngừng lại, không bao giờ bị giới hạn và cũng không bao giờ có thể mô tả được một cách đầy đủ và dứt khoát. Đến khi chúng ta hoàn thành việc miêu tả của mình thì hệ thống sẽ lại thay đổi... Các hệ thống ngôn ngữ xã hội được đặc trưng bởi tính di động; trong sự tương tác liên tục bên trong hệ thống và giữa các hệ thống, các yếu tố di chuyển qua các trung tâm và cấp độ quy mô. Trong các hình thức của tính di động như vậy, đặc điểm của các yếu tố thay đổi: Các biến thể ngôn ngữ có giá trị cao ở đây có thể dễ dàng mất đi giá trị đó khi chuyển sang một “trường lực” khác, có thể nói - một hệ thống ngôn ngữ học xã hội khác” [9, tr.250]. Đây chính là lí do mà ông cho rằng cần phải vận dụng tính di động và một số khái niệm khác gắn liền với khung lí thuyết “siêu đa dạng” mới có thể thấy hết được các lớp, các cấp độ bối cảnh khác nhau của một tương tác xã hội thực tế. Mỗi bối cảnh tức thời (*momentary context*) đều được định hình bởi các điều kiện được tạo ra trước đó và có khả năng định hình các điều kiện về sau, phân tích ngôn ngữ học xã hội thỏa đáng thì cần phải được xem xét theo đầy đủ các ảnh hưởng xuyên bối cảnh (*transcontextual*). Theo cách hiểu này, sự dịch chuyển của các từ ngữ địa phương đã làm từ ngữ toàn dân mất đi giá trị của biến thể cao vốn có trong một bối cảnh ngôn ngữ học xã hội siêu đa dạng. Và hơn thế nữa, đối với sự dịch chuyển của các từ ngữ địa phương, không thể đưa ra một nhận xét chung cho tất cả các trường hợp mà tính phức tạp và tính đa dạng của giao tiếp ngôn ngữ học xã hội trong tình hình này đòi hỏi phải có những phân tích sâu cho từng trường hợp một. Đây là một vấn đề có tính phương pháp luận quan trọng đối với nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội hiện đại. Cũng cùng tư tưởng như vậy, Li Wei [14] khi bàn về mối quan hệ giữa nghiên cứu mối quan hệ giữa đa ngữ xã hội và siêu đa dạng đã chỉ ra rằng, tính di động cùng với các khái niệm liên quan đến tính “siêu đa dạng” như: tính lai tạp (*hybridity*), Không gian thứ ba (*Third Space*), vùng tiếp xúc (*contact zone*) và thang đo ngôn ngữ học xã hội (*sociolinguistic scales*)... đòi hỏi phải có những thảo luận tỉ mỉ hơn nữa để bắt kịp dòng chảy và bản chất năng động của các cuộc tiếp xúc của con người - đặc điểm tất yếu của cuộc sống thường nhật trong thế kỉ XXI. Tính di động giữa những người nói cũng khiến chúng ta cần có một cách nhìn lại về các khái niệm cốt lõi trong ngôn ngữ học như “tiếng mẹ đẻ”, “người bản ngữ” cũng như khái niệm cực kì cơ bản là “ngôn ngữ”. Theo ông, chúng ta đang bước vào một kỉ nguyên hậu đa ngữ nơi mà “có nhiều ngôn ngữ khác nhau là không đủ cả đối với cá nhân lẫn xã hội nói chung, mà là nơi có nhiều quyền sở hữu và sự đan xen phức tạp hơn của các ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ, nơi mà ranh giới giữa các ngôn ngữ, giữa các ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và nhà nước - quốc gia đang không ngừng được đánh giá lại, bị phá vỡ hoặc bị điều chỉnh” [14].

4. Lời kết

Các nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội gần đây đều thống nhất rằng cảnh huống ngôn ngữ học xã hội trên thế giới đang ngày càng biến đổi đa dạng, sự di cư và toàn cầu hóa đã dẫn đến nhiều vấn đề đòi hỏi các lí thuyết ngôn ngữ học xã hội càng cần phải cập nhật cho phù hợp với tình hình mới. Lí thuyết “siêu đa dạng” là một trong những lí thuyết thu hút nhiều sự quan tâm về mặt học

thuật, và đi cùng với khung lí thuyết này là nhiều khái niệm mang tính lí luận và phương pháp. Bài viết này giới thiệu về tính di động ngôn ngữ và soi chiếu vào hiện tượng từ ngữ địa phương xuất hiện trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội. Đây chỉ là một nghiên cứu trường hợp nhằm giới thiệu và cung cấp mô tả ban đầu về việc áp dụng khung lí thuyết “siêu đa dạng” vào miêu tả thói quen sử dụng ngôn ngữ hiện nay với mong muốn việc áp dụng lí thuyết “siêu đa dạng” sẽ là một trong những góc nhìn mới mẻ giúp chúng ta có thể hiểu sâu sắc về bối cảnh ngôn ngữ ở Việt Nam trong những thập kỉ gần đây. Chúng tôi cũng hi vọng rằng các nghiên cứu trong tương lai nên sẽ đi sâu hơn và tập trung nhiều hơn vào tính siêu đa dạng ngôn ngữ ở Việt Nam để làm sáng tỏ thêm những điểm giống và khác nhau giữa bối cảnh ngôn ngữ học xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *777 khái niệm ngôn ngữ học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2010.
3. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
4. Nguyễn Văn Khang, *Cơ sở lí thuyết và thực tiễn liên quan đến nghiên cứu tình hình sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam - Một số vấn đề về đa ngữ xã hội*, TC Khoa học, Giáo dục và Công nghệ, Tập 9, Số 3, tr.43-51, 2019.
5. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ mạng - Biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2019.
6. Lưu Trọng Tuấn, *Quảng cáo là nơi tiếp xúc ngôn ngữ*, TC Ngôn ngữ, Số 3, tr.40-58, 2013.

Tiếng Anh

7. Blackledge A & Creese A., *Translanguaging in mobility*. In: Canagarajah S. (ed.), *The routledge handbook of migration and language*, Taylor & Francis, London, pp. 31-46, 2017.
8. Blommaert, J. & Rampton, B., *Language and superdiversity*, *Diversities*, 13(2): 3-21, 2011.
9. Blommaert, J., *From mobility to complexity in sociolinguistic theory and method*. In N. Coupland (Ed.), *Sociolinguistics: Theoretical debates*, Cambridge University Press, pp. 242-260, 2016.
10. Bouchard, M., *Language shift from Forro to Portuguese: Language ideologies and the symbolic power of Portuguese on São Tomé Island*, *Lingua*, 2019.
11. Jessner-Schmid, U., *Multilingualism*. In J. D. Wright (Ed.), *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences* (2nd ed., pp. 65–71), Elsevier, 2015.
12. Jeszenszky, P., Steiner, C., & Leemann, A., *Effects of mobility on dialect change: Introducing the linguistic mobility index*, 2022, April 27.
13. Felicity Meakins, Caroline Jones, Cassandra Algy, *Bilingualism, language shift and the corresponding expansion of spatial cognitive systems*, *Language Sciences*, Volume 54, pages 1-13, 2016.
14. Li, W., *Linguistic (super)diversity, post-multilingualism and translanguaging moments*. In A.Creese & A.Blackledge (Eds.), *The Routledge handbook of language and superdiversity* (pp.16-29), Routledge, 2018.
15. Mufwene, S.S., *Language Shift*, In *The international encyclopedia of linguistic anthropology*, J. Stanlaw (Ed.), 2023.
16. Phillimore, J., *Language and superdiversity: notes from a social policy perspective*, (Urban Language and Diversity Series), 2013.
17. Vertovec, S., *Super-diversity and its implications*, *Ethnic and Racial Studies*, 30(6), 1024-1054, 2007.
18. Vertovec, S., *Talking around super-diversity*, *Ethnic and Racial Studies*, 42(1), 125-139, 2019.